

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: **46** /2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **01** tháng **6** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/5/2026 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3905/TTr-STC ngày 28/4/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Nhà nước cho thuê đất mà thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức và đối tượng khác có liên quan trong việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá

1) Tỷ lệ 1,0% đối với đất tại các phường: Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn, Ba Đồn, Bắc Gianh, Đông Hà, Nam Đông Hà, Quảng Trị.

2) Tỷ lệ 0,8% đối với đất tại các xã: Minh Hóa, Đồng Lê, Phú Trạch, Hòa Trạch, Trung Thuần, Quảng Trạch, Tân Gianh, Hoàn Lão, Nam Trạch, Phong Nha, Bắc Trạch, Bố Trạch, Đông Trạch, Quảng Ninh, Ninh Châu, Trường Ninh, Lệ Ninh, Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngư, Tân Mỹ, Trường Phú, Nam Ba Đồn, Nam Gianh, Vĩnh Linh, Bến Quan, Vĩnh Hoàng, Cửa Tùng, Vĩnh Thủy, Gio Linh, Cửa Việt, Bến Hải, Hiếu Giang, Triệu Phong, Nam Cửa Việt, Triệu Bình, Triệu Cơ, Ái Tử, Diên Sanh, Mỹ Thủy, Vĩnh Định, Hải Lăng, Nam Hải Lăng, Cồn Tiên, Cam Lộ.

3) Tỷ lệ 0,6% đối với đất tại các xã, đặc khu: Dân Hóa, Tân Thành, Kim Điền, Kim Phú, Tuyên Sơn, Tuyên Lâm, Tuyên Phú, Tuyên Bình, Tuyên Hóa, Thượng Trạch, Trường Sơn, Kim Ngân, Khe Sanh, Lao Bảo, Hướng Lập, Hướng Phùng, Tân Lập, Lìa, A Dơi, Hướng Hiệp, Đakrông, Ba Lòng, Tà Rụt, La Lay, Đặc khu Cồn Cỏ.

4) Tỷ lệ 0,5% đối với đất tại các địa bàn thuộc quy định tại khoản 1,2,3 Điều này sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

5) Trường hợp các đơn vị hành chính hợp nhất, sáp nhập, chia, tách áp dụng mức tỷ lệ cao nhất được quy định tại đơn vị hành chính cũ.

Điều 4. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

1. Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, đơn giá thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: Đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước cho thuê đất thì đơn giá thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Handwritten mark

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 70% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10** tháng **6** năm 2026. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THL. *ml*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam